

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
Bản án số: 458/2017/DS-ST
Ngày: 31/8/2017
V/v tranh chấp hợp
đồng mua bán tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Nguyễn Huy Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, Tp.Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Tp.Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, Tp.Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2017/TLST-DS ngày 15/02/2017 về “ Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 233/2017/QĐXXST-DS ngày 26/7/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 192/2017/QĐST-DS ngày 14/8/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Tổng công ty Đ; Địa chỉ: Đường M, phường P, Quận Q, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn P (Tổng giám đốc).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu C; Địa chỉ: Đường T, phường H, Quận Y, Tp.Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 17/6/2016) - có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Ông Phạm Văn H; Địa chỉ: Quốc lộ N, ấp M, xã P, huyện H, Tp.Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/12/2016 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Tổng công ty Đ, có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Hữu C trình bày: Ngày 06/01/2013, Tổng công ty Đ do Công ty E làm đại diện đã ký với ông Phạm Văn H hợp đồng mua bán điện phục vụ sinh hoạt số 13000171. Theo đó, Tổng công ty Đ cung cấp điện sinh hoạt cho ông Phạm Văn H tại địa chỉ Quốc lộ N, ấp M, xã P, huyện H, Tp.Hồ Chí Minh. Trong quá trình sử dụng điện,

ông H đã thanh toán đầy đủ tiền điện đến hết ngày 25/4/2016. Kể từ ngày 26/4/2016 đến ngày 25/7/2016, ông H không thanh toán số nợ tiền điện phát sinh, cụ thể như sau: Kỳ 6 (từ ngày 26/4 đến 25/5/2016) số tiền 244.519 đồng, số hóa đơn 4755252; Kỳ 7 (từ ngày 26/5 đến 25/6/2016) số tiền 228.802 đồng, số hóa đơn 4897216; Kỳ 8 (từ ngày 26/6 đến 25/7/2016) số tiền 224.873 đồng, số hóa đơn 7440297. Tổng số tiền điện ông H còn nợ là 698.194 đồng. Tổng công ty Đ đã yêu cầu ông H thanh toán số tiền này nhiều lần nhưng ông H không thực hiện. Do đó, Tổng công ty Đ khởi kiện yêu cầu ông H phải thanh toán ngay số tiền nêu trên.

Bị đơn: Ông Phạm Văn H được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H: Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện H, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Các đương sự được bảo đảm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền mua điện sinh hoạt còn nợ theo hợp đồng; Bị đơn thường trú tại huyện H. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.

[2] Về địa chỉ cư trú của bị đơn: Bị đơn Phạm Văn H cư trú tại Quốc lộ N, ấp M, xã P, huyện H, Tp.Hồ Chí Minh nhưng bỏ đi mà không thông báo địa chỉ mới là cố tình giấu địa chỉ, trốn tránh thực hiện nghĩa vụ. Căn cứ vào điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ: Các đương sự đã được công bố và được tiếp cận, công khai toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; không có đương sự nào bổ sung hoặc yêu cầu thu thập thêm tài liệu, chứng cứ khác hoặc yêu cầu triệu tập đương sự khác.

[4] Về tố tụng: Bị đơn Phạm Văn H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, trong đó có Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 233/2017/QĐXXST-DS kèm Giấy triệu tập số 344/GTT ngày 26/7/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 192/2017/QĐST-DS kèm Giấy triệu tập số 394/GTT ngày 14/8/2017 nhưng vắng mặt không lý do. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Hữu C có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết

định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền điện còn nợ; Bị đơn không có ý kiến, không có yêu cầu gì. Do đó trong vụ án này, Hội đồng xét xử chỉ xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Về yêu cầu thanh toán tiền mua điện sinh hoạt còn nợ là 698.194 đồng:

Theo hợp đồng mua bán điện số 13000171 ngày 06/01/2013 giữa Tổng công ty Đ và ông Phạm Văn H, có căn cứ xác định Tổng công ty Đ đã cung cấp điện sinh hoạt cho ông Hải tại địa chỉ Quốc lộ N, ấp M, xã P, huyện H, Tp.Hồ Chí Minh có mã khách hàng là PE 08000031753. Hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định tại các Điều 428, 429, 431, 432, 433 của Bộ luật dân sự 2005 và Điều 22 Luật điện lực 2004.

Căn cứ các hóa đơn tiền điện số 4755252 số tiền là 244.519 đồng, hóa đơn số 4897216 số tiền là 228.802 đồng và hóa đơn số 7440297 số tiền là 224.873 đồng do nguyên đơn Tổng công ty Đ phát hành, có căn cứ xác định ông Phạm Văn H đã sử dụng điện sinh hoạt và còn nợ tiền điện 03 kỳ 6, 7, 8 từ ngày 26/4/2016 đến 25/7/2016 với tổng số tiền là 698.194 đồng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán ngay số tiền trên là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 438 của Bộ luật dân sự 2005 và khoản 1 Điều 23 của Luật điện lực 2004.

Tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ"*. Bị đơn ông Phạm Văn H không có ý kiến đồng ý hay phản đối kèm tài liệu chứng cứ để chứng minh nên phải chịu trách nhiệm về việc không cung cấp chứng cứ và Hội đồng xét xử căn cứ vào những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 4 Điều 147; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 428, 429, 431, 432, 433, 438 của Bộ luật dân sự 2005;

Áp dụng Điều 22 và khoản 1 Điều 23 của Luật điện lực 2004;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Phạm Văn H phải thanh toán cho Tổng công ty Đ tổng số tiền 698.194 đồng (bằng chữ: sáu trăm chín mươi tám nghìn một trăm chín mươi bốn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn H phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng, thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền. Tổng công ty Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0030147 ngày 15/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự .

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện H;
- THA DS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ.

Phạm Văn Huy